

Hà nam, ngày 27 tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Tại Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội
Năm 2020

- Căn cứ Luật doanh nghiệp Số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc Hội;
- Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm Soát được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng Công ty Cổ phần May Hà nội;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động Ban Kiểm soát Tổng công ty;
- Căn cứ Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 và nhiệm vụ giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2020 của Tổng Công ty;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019 của Tổng Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán An Việt.

Thay mặt Ban kiểm soát, Tôi xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Tổng Công ty cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2019 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã thực hiện các hoạt động :

- Thu thập, thẩm định các tài liệu và báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính năm kiểm toán. Lập báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, tình hình triển khai kế hoạch SXKD. Tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Xem xét các báo cáo sơ kết hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng, tổng kết năm của Tổng giám đốc, kiểm tra các Báo cáo tài chính hàng quý và báo cáo của tổ chức kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính của Tổng Công ty.
- Tham gia một số cuộc họp cùng HĐQT và HĐQT về tình hình bán hàng, dự trữ tồn kho, quản lý vốn và chi phí.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY

A. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2019

Căn cứ vào các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch SXKD năm 2019 đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua, tình hình thực hiện năm 2019 như sau:

Chỉ Tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019	% so sánh	
				TH/ kế hoạch	TH/ năm 2018
1. Tổng doanh thu	Tr đồng	1.348.386	1.272.998		94%
- Doanh thu thuần	Tr đồng	1.267.999	1.187.523	99%	94%
- Doanh thu hoạt động TC	Tr đồng	79.524	24.290		31%
- Doanh thu khác	Tr đồng	863	61.185		7090%

Chỉ Tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019	% so sánh	
				TH/ kế hoạch	TH/ năm 2018
2. Chi phí		1.303.101	1.259.422		97%
- Giá vốn hàng bán	Tr đồng	1.164.906	1.155.167		99%
- Chi phí hoạt động TC	Tr đồng	62.786	42.996		68%
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	Tr đồng	39.894	40.092		100%
- Chi phí bán hàng	Tr đồng	25.946	23.440		90%
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr đồng	48.639	37.089		76%
- Chi phí khác	Tr đồng	824	730		89%
3. Lợi nhuận					
- Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	45.285	13.576	37%	30%
+ LN thuần từ Hoạt động KD	Tr đồng	45.246	(46.879)		
+ LN khác	Tr đồng	39	60.455		155013%
-Thuế TNDN	Tr đồng	8.281	1.990		24%
- LN sau thuế TNDN	Tr đồng	37.003	11.586		31%

NHẬN XÉT CHUNG:

Trong bối cảnh chung, tình hình sản xuất kinh doanh năm 2019 của Tổng Công ty CP Dệt may Hà nội cũng không tránh khỏi khó khăn:

- Ngành Sợi: Năm 2019 có nhiều diễn biến phức tạp, bị ảnh hưởng nặng nề của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung:

+ Cơ cấu doanh thu ngành sợi: Doanh thu xuất khẩu: 49%, Doanh thu nội địa: 51%.

+ Nguyên liệu đầu vào: giá bông thời điểm cuối năm giảm khoảng 10% so với đầu năm.

+ Trung Quốc là thị trường xuất khẩu chính của Tổng công ty, năm 2019 lại sụt giảm mạnh (năm 2018: 43%; năm 2019: 30%).

+ Do nhu cầu giảm, nên thị trường xuất khẩu và nội địa đều yêu cầu khắt khe hơn về chỉ tiêu chất lượng và mặt hàng dịch chuyển từ nhu cầu sợi CC sang sợi CF.

+ Lao động biến động nhiều, khó tuyển dụng, số lao động thôi việc luôn cao hơn số tuyển dụng được.

+ Từ tháng 7/2019, Tổng công ty đã dừng sản xuất sợi tại Nhà máy Sợi Bắc Ninh do sức ép từ thị trường tiêu thụ, thiếu hụt lao động, máy móc thiết bị lạc hậu... -> sản xuất không hiệu quả.

- Ngành May: Năm 2019 ngành may có nhiều thuận lợi hơn do:

+ Sự dịch chuyển sản xuất từ Trung quốc sang Việt Nam.

+ Các nhà máy May sản xuất đầy tải, đã xây dựng được hệ thống khách hàng lớn, ổn định.

+ May Đồng Văn tiếp tục làm các đơn hàng của khách hàng lâu năm, nhãn hàng thương hiệu mạnh, giá tốt, tuy nhiên mã hàng còn nhỏ lẻ. Lao động luôn trong tình trạng thiếu nhiều, khó tuyển dụng.

+ May Nam Đàn: tập trung đơn hàng có số lượng lớn, lặp lại, kết cấu không quá phức tạp. Lao động vẫn thiếu so với nhu cầu và năng lực thiết bị.

+ Tỷ lệ đơn hàng FOB còn hạn chế do chưa tiếp cận được với các nguồn cung cấp nguyên liệu đáp ứng được yêu cầu của khách hàng với chất lượng ổn định, giá cạnh tranh. Nguồn lực để triển khai các đơn hàng FOB còn thiếu và yếu.

Mặc dù còn nhiều khó khăn và thách thức do khách quan và chủ quan, Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty và tập thể CBCNV đã rất nỗ lực tìm nhiều giải pháp để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019, cụ thể như sau:

1. SẢN XUẤT

- Sản lượng Sợi qui đổi NE30 năm 2019 đạt 11.760 tấn (bình quân/tháng: 980 tấn/tháng), bằng 73% kế hoạch và 79% so với năm 2018 (sản lượng thấp do TCT dừng sản xuất NM Sợi Bắc Ninh từ T7/2019).
- Sản lượng May qui đổi năm 2019 đạt 15,9 triệu sp, bằng 82% kế hoạch và 118% so với năm 2018.

2. DOANH THU

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 1.191.204 triệu đồng (bằng 99% kế hoạch và 94% so với năm 2018)
 Trong đó:
 - + Doanh thu sợi: 759.289 triệu đồng
 - + Doanh thu may: 332.714 triệu đồng
 - + Doanh thu thương mại khác: 99.201 triệu đồng
- Doanh thu hoạt động tài chính: 24.290 triệu đồng (31% so với năm 2018). Doanh thu tài chính năm 2019 giảm so năm 2018 do trong năm 2018 có: 50.400 triệu đồng doanh thu từ thoái vốn tại Công ty CP Phát triển Nam Hà Nội.
- Thu nhập khác: 61.185 triệu đồng (7.090% so với năm 2018).
 Trong đó: Hoàn nhập dự phòng dài hạn: 43.335 triệu đồng.
 Thu hỗ trợ di dời: 16.412 triệu đồng.

3. CHI PHÍ

Công ty đã hạch toán đầy đủ các khoản chi phí theo quy định và trích lập dự phòng các khoản rủi ro để đảm bảo an toàn tài chính cụ thể năm 2019 đã trích: 6.958 triệu đồng.

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: 6.742 triệu đồng
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn: (399) triệu đồng
- Dự phòng công nợ phải thu khó đòi: 615 triệu đồng

4. LỢI NHUẬN

- Lợi nhuận trước thuế đạt 13.576 triệu đồng (bằng 37% kế hoạch và 30% so với năm 2018)
- Lợi nhuận sau thuế đạt 11.586 triệu đồng (bằng 31% so với năm 2018)
 Trong đó:
 - Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh: (46.879) triệu đồng.
 - Lợi nhuận khác: 60.455 triệu đồng.

5. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

* Trong năm 2019, Tổng công ty tiến hành thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy may Nghi Lộc cụ thể như sau:

Đơn vị: đồng

Stt	Chi phí	Mức đầu tư
1	Chi phí xây dựng	87.453.164.700
2	Chi phí trang thiết bị	43.860.168.000
3	Chi phí quản lý dự án	880.000.000

4	Chi phí tư vấn	4.485.445.800
5	Chi phí bồi thường GPMB	8.640.000.000
6	Chi phí hỗ trợ phát triển bảo vệ lúa nước	1.208.625.180
7	Chi phí khác	2.456.400.000
8	Lãi vay thời gian xây dựng	4.916.503.270
9	Chi phí dự phòng	2.733.575.570
	Tổng cộng	156.633.882.520

- Hạn mức tín dụng dự án: 104.000.000.000 VNĐ (nhưng không vượt quá 66% tổng vốn đầu tư).
 - Tính đến 31/12/2019, Dự án đã giải ngân tổng số tiền: 50.699.819.020 VNĐ (tương đương 32,3% tổng mức đầu tư của dự án).
- * Tổng công ty thực hiện thoái vốn tại Công ty CP Vinatex Hồng Lĩnh, lợi nhuận thu được sau thoái vốn: 3.250.000.000 VNĐ.

6. SO SÁNH VỚI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

T T	Chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	Thực hiện 2018	Nghị quyết ĐH 2019	Thực hiện 2019	So sánh (%)	
						Kế hoạch	2018
1	Tổng doanh thu	Triệu đ	1.267.999	1.200.000	1.191.204	99%	94%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đ	45.285	37.000	13.576	37%	30%
3	Lao động	Người	2.597	2.780	2.741	99%	106%
4	Thu nhập b/q (Người/tháng)	1000đ	6.795	7.000	7.643	109%	112%
5	Cổ tức hàng năm (dự kiến)	%	10	8-10			

So sánh về tỷ trọng:

- Chỉ tiêu Doanh thu đạt 99% so với kế hoạch và bằng 94% so với năm 2018.
- Chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế đạt 37% so với kế hoạch và bằng 30% so với năm 2018.
- Lao động bằng 99% so với kế hoạch, tăng 6% so năm 2018.
- Thu nhập bình quân đầu người bằng 109% so với kế hoạch và tăng 12% so năm 2018.
- Cổ tức: năm 2019 dự kiến không chi cổ tức.

B. KIỂM SOÁT, GIÁM SÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2019, kết thúc ngày 31/12/2019. Ban kiểm soát ghi nhận Báo cáo tài chính năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán An Việt đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình luân chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2019 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	So sánh		Tỷ trọng	
	VND	VND	Tuyệt đối	Tương đối	Năm 2018	Năm 2019
A	1	2	3 = 2 - 1	4 = 2 / 1	5	6
A. Tài sản ngắn hạn	670.287	494.399	(175.888)	74%	40%	33%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	28.564	19.869	(8.695)	70%	2%	1%
II. Đầu tư TC ngắn hạn	148.097	78.800	(69.297)	53%	9%	5%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	116.621	154.272	37.651	132%	7%	10%
IV. Hàng tồn kho	367.716	228.190	(139.526)	62%	22%	15%
V. Tài sản ngắn hạn khác	9.288	13.268	3.980	143%	1%	1%
B. Tài sản dài hạn	1.024.424	990.757	(33.667)	97%	60%	67%
I. Các khoản phải thu dài hạn	1.418	7.834	6.416	552%	0%	1%
II. Tài sản cố định	721.634	677.476	(44.158)	94%	43%	46%
III. Tài sản dở dang dài hạn	232	40.729	40.497	17556%	0%	3%
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	175.821	151.221	(24.600)	86%	10%	10%
V. Tài sản dài hạn khác	125.319	113.497	(11.822)	91%	7%	8%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.694.711	1.485.156	(209.555)	88%	100%	100%
A. Nợ phải trả	1.276.556	1.066.387	(210.169)	84%	75%	72%
I. Nợ ngắn hạn	795.835	607.692	(188.143)	76%	47%	41%
II. Nợ dài hạn	480.721	458.695	(22.026)	95%	28%	31%
B. Vốn chủ sở hữu	418.155	418.769	614	100%	25%	28%
I. Vốn chủ sở hữu	281.223	281.837	614	100%	17%	19%
II Nguồn vốn đầu tư XDCB	136.932	136.932	-	100%	8%	9%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.694.711	1.485.156	(209.555)	88%	100%	100%

NHẬN XÉT CHUNG

- Về giá trị tuyệt đối, Tổng tài sản/Nguồn vốn năm 2019 giảm 209.555 triệu đồng so năm 2018 (bằng 88% so năm 2018). Tuy nhiên Cơ cấu tài sản và nguồn vốn của Tổng công ty đã được cải thiện hơn. Cụ thể: giảm Nợ phải trả và tăng Vốn chủ sở hữu trên Tổng nguồn vốn. Vốn CSH chiếm 28%/tổng nguồn vốn (năm 2018: 25%); Nợ phải trả chiếm tỷ lệ 72%/tổng nguồn vốn (năm 2018: 75%). Tài sản ngắn hạn tỷ trọng 33%/Tổng tài sản và Nợ ngắn hạn tỷ trọng 41%/tổng nguồn vốn.
- Tài sản dài hạn khác (chi phí trả trước dài hạn) của Tổng công ty: 113.497 triệu đồng, bao gồm 78.995 triệu đồng là tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Đồng Văn; 32.407 triệu đồng tiền thuê cơ sở hạ tầng và máy móc thiết bị của Công ty Ý Việt và 2.095 triệu đồng là chi phí và công cụ dụng cụ xuất dùng phân bổ nhiều kỳ.
- Các khoản rủi ro về nợ phải thu khó đòi, hàng tồn kho, đầu tư tài chính dài hạn đã được lập dự phòng theo đúng quy định.
- Tổng công ty luôn cân đối dòng tiền đảm bảo trả nợ vay Ngân hàng đúng hạn.

Các chỉ số cơ bản về hiệu quả SXKD và tài chính

Khoản mục	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ lệ % 2019/2018
1.Chỉ số khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0,84	0,81	97%
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,38	0,44	115%

Khoản mục	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ lệ % 2019/2018
2. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay tài sản (DTT/Tổng tài sản)	vòng	0,75	0,80	107%
3. Chỉ số nợ và cân đối vốn				
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	3,05	2,55	83%
4. Chỉ số Hiệu quả SXKD				
Lợi nhuận thuần/ Tổng Doanh thu	%	2,92%	0,98%	33%
Lợi nhuận thuần/ Tổng tài sản (ROA)	%	2,18%	0,78%	36%
Lợi nhuận thuần/ Vốn CSH (ROE)	%	8,85%	2,77%	31%

NHẬN XÉT:

- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của công ty giảm nhẹ 0,84 -> 0,81, tuy nhiên khả năng thanh toán nhanh lại tăng 0,38 -> 0,41, nguyên nhân chính do Công ty giảm hàng tồn kho từ 375.2 tỷ -> 234,9 tỷ (giảm 140.3 tỷ);
- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: tăng 7% so năm 2018, tuy nhiên vòng quay tài sản thấp vẫn thấp (mỗi đồng tài sản tạo 0,80 đồng doanh thu);
- Hệ số nợ phải trả/VCSH năm 2019 tiếp tục được cải thiện đạt: 2,55 lần (năm 2018 là 3,05 lần). TCT vẫn đang ghi nhận nguồn tiền chuyển mục đích sử dụng đất 136 tỷ tại chỉ tiêu Nguồn vốn đầu tư XDCB. Tổng công ty đang chờ các cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án tăng vốn từ nguồn tiền chuyển mục đích sử dụng đất này.
- Về chỉ tiêu hiệu quả hoạt động SXKD: Các chỉ tiêu Lợi nhuận thuần/Tổng doanh thu (0,98%), Lợi nhuận thuần/Tổng tài sản (0,78%), Lợi nhuận thuần/Vốn chủ sở hữu (2,77%) đều giảm so với năm 2018.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH

- Trong năm 2019 HĐQT đã ban hành 16 Nghị quyết tập trung vào việc sắp xếp lại bộ máy tổ chức và chiến lược phát triển của Tổng Công ty.

- Cơ quan điều hành đã tổ chức tốt việc phân tích quản trị hoạt động làm căn cứ giúp HĐQT và cơ quan TGD thực hiện chỉ đạo tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả SXKD, tập trung và ổn định cho mọi hoạt động, đúng theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ TCty

- Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý của Tổng công ty, Ban kiểm soát không thấy gì bất thường trong hoạt động của HĐQT.

- Tất cả hoạt động của Tổng Công ty đều phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam.

- Hội đồng quản trị đã thực hiện công tác báo cáo và công bố thông tin đúng theo quy định của pháp luật đối với mô hình công ty đại chúng.

IV. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

- HĐQT và cơ quan điều hành đã thực hiện nghiêm túc về việc cung cấp thông tin và tạo điều kiện cho Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, tài liệu để kiểm tra tính xác

thực của thông tin. Các thành viên Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin, biên bản, báo cáo tài chính.

- Giữa BKS và HĐQT và các cán bộ quản lý đã duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Tổng Công ty, của cổ đông và theo đúng các quy định của pháp luật, quy chế quản trị nội bộ của Tổng Công ty.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Hội đồng quản trị Tổng Công ty cần có những giải pháp mạnh về thị trường, đặc biệt là thị trường xuất khẩu cho mặt hàng sợi, tránh phụ thuộc vào thị trường Trung quốc. Ngành may: tìm kiếm thêm khách hàng chiến lược (3-4 khách hàng) tránh phụ thuộc vào một khách hàng lớn, tập trung phát triển chuỗi cung ứng Sợi- Dệt- nhuộm – May, tăng tỷ trọng hàng FOB của lĩnh vực May lên trên mức 50% tổng doanh thu ngành may như KH đặt ra.

- Ban lãnh đạo Tổng Công ty cần có giải pháp đồng bộ nhằm đạt được các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông và Tập đoàn cũng như Tổng công ty Dệt may Miền bắc đã giao.

- Công tác quản trị sản xuất cũng cần được sắp xếp, bố trí hợp lý nhằm giảm chi phí tối đa và nâng cao năng suất lao động, tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Phân tích chi tiết các chi phí, cơ cấu nhân sự từ đó xây dựng kế hoạch tiết giảm chi phí tăng hiệu quả hoạt động.

- Công tác tuyển dụng đào tạo lao động cần tập trung và có nhiều giải pháp thiết thực hơn, đảm bảo đủ lao động cho sản xuất đặc biệt là ngành May.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019

Trong năm 2020, Ban kiểm soát sẽ tập trung thực hiện các nhiệm vụ quan trọng sau:

1. Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, tình hình triển khai kế hoạch SXKD, tình hình thực hiện các quy chế, quy định, nghị quyết, quyết định của HĐQT.
2. Thực hiện thẩm định các báo cáo năm 2020 của Tổng công ty, lập và trình Báo cáo của Ban Kiểm soát tại kỳ ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

Trên đây là báo cáo năm 2019 của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Đỗ Minh Sơn